TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn và chia nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trầm Thị Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh H

Ông Võ Thành N

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Liêng Thị Kim N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên Tòa:** Ông Kim M - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và chia nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Sa P, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Kim D, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã Đôn C, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Châu Minh P, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Thạch Thị Sa P trình bày: Do mai mối chị và anh Kim D tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay thuộc huyện Duyên Hải), quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn, đam mê

cờ bạc và thường xuyên bạo hành chị, chị đã khuyên nhủ, hàn gắn nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Nay xét thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và chị đã không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim D.

Về con chung: có hai người con chung tên Kim Thị C, sinh ngày 02/8/1999 và Kim Thanh C, sinh ngày 08/02/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: tại đơn khởi kiện chị Sa P cho rằng có nợ tiền vật tư nông nghiệp của anh Châu Minh P số tiền 140.000.000đồng nhưng tại các buổi hòa giải các bên thống nhất số tiền còn nợ là 104.963.000đồng khi ly hôn chị yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả ½ số nợ này với chị cho anh P.

Bị đơn anh Kim D tại các buổi hòa giải, biên bản lấy lời khai và phiên Tòa hôm nay anh trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Sa P về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, anh thừa nhận quá trình chung sống trong lúc cự cãi có đánh vợ do nóng giận, hai vợ chồng không còn sống chung đã hơn 02 năm. Nay chị Sa P xin ly hôn anh không thống nhất vì còn thương vợ và muốn hàn gắn để con có đầy đủ cha, mẹ.

Về con chung: có hai người con chung tên Kim Thị C, sinh ngày 02/8/1999 và Kim Thanh C, sinh ngày 08/02/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung anh có yêu cầu chia căn nhà cấp 4 và tiền vật tư xây dựng, làm cửa nhà nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án yêu cầu anh cung cấp chứng cứ chứng minh thì anh không cung cấp được cho Tòa theo thời hạn đã ấn định nên anh xin rút lại phần yêu cầu này. Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung anh thừa nhận có nợ tiền vật tư nông nghiệp của anh Châu Minh P số tiền 104.963.000đồng, anh thống nhất trả cho anh P số tiền 52.481.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Minh P tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: khoảng 05 năm trước vợ chồng chị Sa P, anh Kim D có mua vật tư nông nghiệp của tôi và còn nợ số tiền 104.963.000đồng. Nay anh, chị ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc họ thanh toán số nợ này cho tôi và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Sa P và người liên quan anh Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các

Điều 93, 94, 95, 96, 97, 109 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo các chứng cứ chị Thạch Thị Sa P cho rằng quan hệ hôn nhân không hạnh phúc do anh D không lo làm ăn, cờ bạc và thường xuyên bạo hành chị, chị đã tạo điều kiện cho anh thay đổi nhưng không có kết quả và nay chị đã không còn tình cảm với anh D do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn xin ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Sa P và anh D thống nhất có hai người con chung tên Kim Thị C, sinh ngày 02/8/1999 và Kim Thanh C, sinh ngày 08/02/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Sa P thống nhất việc rút yêu cầu của anh Kim D, hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2023 chị Sa P, anh Kim D và anh Châu Minh P thống nhất thỏa thuận chị Sa Phắc có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 52.481.000đồng, anh D có nghĩa vụ trả cho anh Phước số tiền 52.481.000đồng.

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thạch Thị Sa P và anh Kim D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Kim D có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Sa P có nội dung yêu cầu ly hôn và chia nợ chung nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tố tụng: Do chị Sa P, anh Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Sa P, thấy rằng chị Sa P và anh D hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 24/02/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay thuộc huyện D), quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do anh D thường xuyên cờ bạc, bạo hành chị, chị Sa P nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không sửa đổi Tòa án có tiến hành xác minh chính quyền địa phương vào ngày 01-8-2023. Hiện tại chị cho rằng đã không còn tình cảm với anh và hai người đã sống ly thân hơn 03 năm nay và từ lúc ly thân đến nay anh Kim D cũng không có thiện chí hàn gắn hay tìm chị Sa P về để nối lại tình cảm, từ nhận định trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Sa P và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sa P.

[5]. Về con chung: chị Sa P và anh D thống nhất có hai người con chung tên Kim Thị C, sinh ngày 02/8/1999 và Kim Thanh C, sinh ngày 08/02/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị Sa P là nguyên đơn cho rằng tài sản chung không có, nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải bị đơn anh Kim D lại cho rằng có tài sản chung là căn nhà và nợ chung nợ cửa hàng nhôm sắt và vật liệu xây dựng nhưng anh không làm đơn phản tố hay đơn yêu cầu và Tòa án cũng không cho nộp tạm ứng án phí do anh không làm đơn. Tòa án có ra Quyết định yêu cầu cung cấp, tài liệu chứng cứ ấn định thời hạn 15 ngày anh phải cung cấp tên, địa chỉ, năm sinh của những người anh nợ tiền và lấy lời khai anh về việc chứng minh tài sản chung căn nhà nằm trên thửa đất số mấy, tờ bản đồ nào? địa chỉ ở đâu? Hết thời hạn mà Tòa án ấn định anh cũng không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa. Tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14-7-2023 (BL 35) anh xin rút lại phần yêu cầu này, nên lời nại ra của anh tại phiên Tòa hôm nay về phần tài sản chung là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về nợ chung: tại biên bản hòa giải ngày 14-7-2023 chị Sa P, anh Kim D và anh Châu Minh P thống nhất thỏa thuận chị Sa P có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 52.481.000đồng, anh D có nghĩa vụ trả cho anh Phước số tiền 52.481.000đồng, không yêu cầu lãi suất nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[8]. Về án phí: Chị Thạch Thị Sa P phải nộp tiền án phí hôn nhân và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Kim D phải nộp tiền án phí dân sự. sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Châu Minh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa P.

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Thạch Thị Sa P được ly hôn anh Kim D.

Về con chung: có hai người con chung tên Kim Thị C, sinh ngày 02/8/1999 và Kim Thanh C, sinh ngày 08/02/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Thạch Thị Sa P, anh Kim D và anh Châu Minh P về việc chị Sa P có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 52.481.000 (Năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi mốt ngàn) đồng, anh D có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 52.481.000 (Năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi mốt ngàn) đồng. Không yêu cầu lãi suất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Sa P phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0012372 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh và án phí dân sự sơ thẩm là 2.624.050 (Hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn không trăm năm mươi) đồng, anh Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.624.050 (Hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn không trăm năm mươi) đồng.

Anh Châu Minh P không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.624.075 (Hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0015912 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
-CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Đôn Châu,
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trầm Thị Thanh Thảo